

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2021/HS-ST**

Ngày: 26 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bà Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ninh và bà Nguyễn Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS, ngày 13/5/2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngọc Đức D**, sinh ngày 02/7/1987 tại tỉnh TN; trú tại: Xóm L, xã HT, huyện DH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; con ông Ngọc Kim L (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L1 sinh năm 1969; vợ: Hoàng Thu T, sinh năm 1985 (Đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2006;

- Tiền án:

+ Bản án số 34/HSST ngày 24/4/2015, Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh TN xử phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, phải chấp hành nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí. Chấp hành xong bản án ngày 07/01/2016.

+ Bản án số 136 ngày 25/4/2017, Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tăng trù trái phép chất ma túy. Chấp hành xong bản án ngày 21/5/2019 (tuyên tái phạm).

- Tiền sự:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0058878 ngày 13/7/2020 của Công an thành phố TN, tỉnh TN xử phạt Ngọc Đức D về hành vi Đánh bạc, phạt tiền 1.500.000đ. Đã chấp hành nộp phạt ngày 17/7/2020.

- Nhân thân:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 25/11/2014 của Công an xã HT, huyện DH, tỉnh TN xử phạt vi phạm hình chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bàn Thị L**, sinh ngày 22/9/1994 tại tỉnh TH; trú tại: Khu phố HS, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông Bàn Văn T1, sinh năm 1976 và con bà Triệu Thị L1, sinh năm 1978; chồng: Cao Văn T2; sinh năm 1990 (Đã ly hôn năm 2016); con: chưa có.

- Tiền án:

Bản án số 40/HSST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh QN xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chấp hành nộp 200.000đ tiền án phí. Ngày 21/01/2020 chấp hành xong bản án (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2021. Hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1984;

Trú tại: Thôn SH, xã XV, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị Hoàng Thị H sinh năm 1979;

Trú tại: Thôn TT, xã PT, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Ma Quang T4, sinh năm 2002;

Trú tại: Thôn C, xã CD, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Chị Đặng Thị V, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn TT, xã PT, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T, chị H, anh T4 có mặt, chị V vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/11/2020 đến ngày 23/12/2020, Ngọc Đức D cùng Bàn Thị L (D và L sống chung như vợ chồng tại nhà D) đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản (xe mô tô) trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 06 giờ ngày 25/11/2020, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên Ngọc Đức D rủ Bàn Thị L đến địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp xe mô tô, L đồng ý. D mang theo 01 chiếc “vam” bằng kim loại, hình chữ T, dài khoảng 15cm chuẩn bị từ trước cho vào trong túi áo khoác rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn trắng, biển số 20M3-7947 (D mua của Nguyễn Hoàng Dương trú tại phường TD, thành phố TN, tỉnh TN) chở theo L đi từ nhà D theo đường quốc lộ 37 đến huyện SD, tỉnh Tuyên Quang, rồi tiếp tục đi theo đường quốc lộ 2 hướng đi Hà Giang. Đến Km16 đường Tuyên quang đi Hà Giang thuộc xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang D điều khiển xe rẽ phải đi theo đường bê tông hướng đến xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn. Khi đi đến thôn Cô Ba, xã Phúc Ninh, D nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, biển số 22V1-3697 của chị Lê Thị T trú tại thôn SH, xã XV, huyện Yên Sơn dựng ở bên trái đường gần một nhà dân đang đóng cửa nên D dừng xe lại và đi đến chỗ chiếc xe, L đứng Cnh giới. Quan sát xung quanh không thấy có người qua lại, D lấy chiếc vam phá khóa trong túi áo khoác ra mở khóa điện của xe rồi điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đi trước còn L điều khiển chiếc xe của D đi theo sau về TN theo đường cũ. Khi đi đến khu vực ngã ba thuộc xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh TN, L đứng đợi ở ngoài còn D điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đến bán cho ông Chu Thế Long trú tại xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh TN với giá 4.000.000 đồng (khi bán không có giấy tờ xe). Số tiền có được từ việc bán chiếc xe mô tô trộm cắp, D và L đã cùng nhau chi tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77/KLĐG ngày 26/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Sơn xác định giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, biển số 22V1-3697 là 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*).

Lần thứ hai:

Khoảng 05 giờ ngày 01/12/2020, Ngọc Đức D tiếp tục rủ Bàn Thị L đi sang địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp xe mô tô, L đồng ý. D mang theo 01 chiếc “vam” bằng kim loại, dài khoảng 15cm cho vào trong túi áo khoác rồi điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn trắng, gắn biển số 20M3-7947 chở theo L đi từ nhà D theo đường Quốc lộ 37 đến huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, rồi tiếp tục đi theo đường Quốc lộ 2C hướng đi xã PT, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Khi đi đến khu vực đèo Bụt thuộc thôn TT, xã PT, huyện Yên Sơn C hai nhìn thấy ở bên trái đường (theo hướng đường từ xã Đạo Viện đi xã PT) có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn Đen, biển số 22B1-662.58 của chị Hoàng Thị H trú tại thôn TT, xã PT, huyện Yên Sơn dựng ở cạnh đường. D điều khiển xe dừng cách chiếc xe mô tô khoảng 5 mét, D xuống xe, L đứng gần Cnh giới, quan sát thấy xung quanh không có người qua lại D lấy chiếc vam phá khóa đã chuẩn bị sẵn trong túi áo ra mở ổ khóa điện của xe, rồi ngồi lên yên xe điều khiển chiếc xe thả trôi dốc khoảng 10 mét, đề nổ động cơ chiếc xe vừa trộm cắp được đi về TN, L

điều khiển xe mô tô của D đi theo sau, C hai đi theo đường cũ về đến xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh TN. L đứng đợi ở ngoài còn D điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đến bán cho ông Chu Thế Long được số tiền 2.500.000 đồng (khi bán không có giấy tờ xe). Số tiền trên, D và L cùng nhau chi tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 78/KLĐG ngày 27/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Sơn xác định giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn Đen biển số 22B1-662.58 có giá trị là 6.823.000đ (*sáu triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

Lần thứ ba:

Khoảng 22 giờ ngày 09/12/2020, Ngọc Đức D tiếp tục rủ Bàn Thị L đi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, L đồng ý. Khi đi D mang theo 01 chiếc “vám” bằng kim loại, dài khoảng 15cm rồi điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn trắng, biển số 20M3-7947 chở theo L đi từ nhà D theo đường Quốc lộ đến huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang rồi tiếp tục đến thôn Lâm Sơn, xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn. Khi đến đây nhà trọ của anh Đỗ Đức Hoán thuộc thôn Lâm Sơn, xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn C hai nhìn thấy ở trên lề đường bên phải trước tường xây bao phía ngoài dãy nhà trọ có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn Xanh-Đen-Bạc, biển số 22B2-366.19 của anh Ma Quang T4 trú tại thôn C, xã CD, huyện Yên Sơn không có ai trông coi. D điều khiển xe đi chậm đến gần chiếc xe mô tô, cách khoảng 10 mét, D dừng xe lại rồi bảo L giữ xe và Cnh giới còn D xuống xe đi bộ đến vị trí chiếc xe thấy xe không khóa cở, D lấy chiếc “Vám” dùng để phá khóa trong túi áo ra mở khóa xe rồi dắt xuống đường nổ máy điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đi về TN, L điều khiển xe của D đi theo sau, khi đến xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh TN. L đứng đợi ở ngoài còn D điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đến bán cho ông Chu Thế Long được số tiền 3.500.000 đồng (khi bán không có giấy tờ xe). Toàn bộ số tiền bán chiếc xe trộm cắp được, D và L đã chi tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76/KLĐG ngày 25/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Sơn xác định giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn Xanh-Đen-Bạc biển số 22B2-366.19 có giá trị là 14.833.000đ (*mười bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Lần thứ tư:

Khoảng 05 giờ sáng ngày 23/12/2020, Ngọc Đức D tiếp tục rủ Bàn Thị L đi sang địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp xe mô tô, L đồng ý. D mang theo 01 chiếc “vám” bằng kim loại, dài khoảng 15cm cho vào trong túi áo khoác rồi điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha màu đen (*không xác định được biển số, D mượn của một người đàn ông tên Tuấn nhà ở thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh TN*), chở theo L đi từ nhà D theo đường Quốc lộ 37 đến huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang rồi đi đến xã PT, huyện Yên Sơn. Khi đến khu vực đồi Đất Cỏ thuộc thôn Mỹ Lộc, xã PT C hai nhìn thấy 01 xe mô tô, nhãn hiệu

Honda Super Dream màu nâu, biển số 22B1-114.11 của chị Đặng Thị V trú tại thôn TT, xã PT, huyện Yên Sơn để ở đường mòn đi lên đồi. D dùng xe gần vị trí chiếc xe mô tô, L đứng Cnh giới, D một mình đi bộ đến chỗ chiếc xe mô tô, quan sát thấy xe không khóa cổ, không cắm chìa khóa điện, xung quanh không có người nên D lấy chiếc “vám” phá khóa hình chữ “T” trong túi áo khoác ra mở khóa điện rồi ngồi lên xe điều khiển thả trôi theo dốc xuống đường bê tông nơi L đang đứng đợi, D nổ máy điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp đi về TN, L điều khiển xe của Honda Wave đi sau, C hai theo đường bê tông ra đường Quốc lộ 2C rồi đi theo đường quốc lộ 37 đến xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh TN, L đứng đợi ở ngoài còn D điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đến bán cho ông Chu Thế Long được số tiền 4.000.000 đồng (khi bán không có giấy tờ xe). Số tiền bán xe mô tô trộm cắp, D và L cùng nhau chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 80/KLĐG ngày 29/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Sơn xác định giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream màu nâu, biển số 22B1-114.11 có giá trị là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản mà Ngọc Đức D và Bàn Thị L trộm cắp là: 57.656.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trên cơ sở hành vi của bị cáo, ngày 27/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn ban hành cáo trạng số 36/CT-VKSYS truy tố bị cáo Ngọc Đức D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo Bàn Thị L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Ngọc Đức D, Bàn Thị L phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Áp dụng: Điểm c, điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngọc Đức D từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/01/2021.
- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bàn Thị L từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/01/2021.
- Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 468 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và các bị hại như sau:

Bị cáo Ngọc Đức D có nghĩa vụ bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); bồi thường cho chị Hoàng Thị H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng); bồi thường cho anh Ma Quang T4 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Bị hại chị Đặng Thị V đã nhận lại được tài sản bị mất là xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream màu nâu, biển số 22B1-114.11. Chị V không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn trắng, gắn biển số 20M3-7947 của bị cáo Ngọc Đức D.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác, loại áo nam, màu nâu đen, phía trong bên dưới cổ áo có gắn nhãn FIRETRAP/BLACK SEAL-XXXL, áo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc tua vít bằng kim loại, có 2 đầu (2 cạnh và 4 cạnh), tay nắm bằng nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc kìm bằng kim loại phần tay nắm được bọc nhựa màu đỏ; trên tay nắm có dòng chữ MEINFA, đã qua sử dụng.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch. Áp dụng các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù H nhau, phù H với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù H với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/11/2020 đến 23/12/2020, Ngọc Đức D và Bàn Thị L đã cùng nhau 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Yên Sơn, như sau:

Lần 1: Khoảng 10 giờ ngày 25/11/2020 tại thôn Cô Ba, xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, Ngọc Đức D và Bàn Thị L đã có hành vi trộm cắp 01

chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, biển số 22V1-3769 của chị Lê Thị T trị giá 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Lần 2: Khoảng 09 giờ ngày 01/12/2020, tại thôn TT, xã PT, huyện Yên Sơn, Ngọc Đức D và Bàn Thị L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn Đen, biển số 22B1-662.58 của chị Hoàng Thị H trị giá 6.823.000đ (sáu triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Lần 3: Khoảng 03 giờ ngày 10/12/2020 tại thôn Lâm Sơn, xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang Ngọc Đức D và Bàn Thị L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn Xanh-Đen-Bạc, biển số 22B2-366.19 của anh Ma Quang T4 trị giá 14.833.000đ (mười bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Lần 4: Khoảng 10 giờ 23/12/2020 tại thôn Mỹ Lộc, xã PT, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang Ngọc Đức D và Bàn Thị L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển số 22B1-114.11 của chị Đặng Thị V trị giá 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản Ngọc Đức D và Bàn Thị L đã trộm cắp là 57.656.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Ngọc Đức D đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bàn Thị L đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu H pháp về tài sản của những người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội ở nhiều địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng lao động mà đi vào con đường vi phạm pháp luật. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Các bị cáo đều có tiền án, tiền sự nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, Ci tạo các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đồng phạm gián đơn, không có sự câu kết, tổ chức chặt chẽ. Vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Ngọc Đức D là người khởi sự, rủ rê bị cáo L đi trộm cắp tài sản, bị cáo là người chuẩn bị phương tiện, công cụ phạm tội và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cũng như tiêu thụ tài sản. Bản án số 136 ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TN xác định bị cáo tái phạm, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo L sau khi được bị cáo D rủ rê đi trộm cắp tài sản đã đồng ý và tham gia với vai trò là người canh gác, Cnh giới cho bị cáo D thực hiện tội phạm. Bản án số 40/HSST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh QN bị cáo đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L phạm tội thuộc T4 H tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bàn Thị L đầu thú; gia đình bị cáo Ngọc Đức D là gia đình có công với cách mạng, ông nội bị cáo là Ngọc Kim Đông được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến thắng hạng ba đây là những tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, là lao động tự do không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị hại chị Lê Thị T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*); chị Hoàng Thị H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*); anh Ma Quang T4 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*). Các bị hại trên đều yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền vượt quá so với giá trị còn lại của xe mô tô theo kết luận định giá, số tiền vượt trội các bị hại xác định đó là chi phí phát sinh trong quá trình truy tìm xe mô tô bị trộm cắp (chi phí phát sinh của chị T là 2.000.000đ, của chị H là 3.177.000đ, của anh T4 là 167.000đ). Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí bồi thường C phần chi phí phát sinh theo yêu cầu của các bị hại. Bị cáo D xác định bị cáo là người trực tiếp trộm cắp xe mô tô của các bị hại, các bị cáo D, L và các bị hại Lê Thị T, Hoàng Thị H, Ma Quang T4 thỏa thuận bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường giá trị còn lại của xe mô tô bị trộm cắp và chi phí phát sinh cho chị Lê Thị T số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*); bồi thường cho chị Hoàng Thị H số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*); bồi thường cho anh Ma Quang T4 số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*). Tổng cộng bị cáo Ngọc Đức D có nghĩa vụ bồi thường số tiền 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*). Xét thấy sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại là phù H, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại.

Bị hại chị Đặng Thị V đã nhận lại được tài sản bị mất là xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream màu nâu, biển số 22B1-114.11. Chị V không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn Đen-bạc, biển số 20E1-089.07; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 20E1-302.89; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô của xe mô tô biển kiểm soát 20E1-098.07. Ngày 30/3/2021 Cơ quan Cnh sát điều tra Công an huyện Yên Sơn đã trả lại cho bà Đào Thị Khanh.

Đối với chiếc mô tô biển số 20F3-1300 Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh làm rõ, xác định là tang vật vụ án trộm cắp tài sản vào tháng 10/2017 tại thị xã Phổ Yên, tỉnh TN. Ngày 28/3/2021 Cơ quan Cnh sát điều tra Công an huyện Yên Sơn đã có Công văn số 80 chuyển cho Cơ quan Cnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh TN để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Supper Dream màu sơn Nâu, xe không có biển kiểm soát. Ngày 23/3/2021 Cơ quan Cnh sát điều tra Công an huyện Yên Sơn đã trả lại chiếc xe mô tô Honda Supper Dream màu sơn Nâu; xe không có biển số cho chủ sở hữu là chị Đặng Thị V.

Đối với các xe mô tô mà Ngọc Đức D cùng Bàn Thị L trộm cắp được của chị Lê Thị T, chị Hoàng Thị H và của anh Ma Quang T4 xác định do D trực tiếp mang đến bán cho Chu Thế Long. Tuy nhiên ngày 29/12/2020 Chu Thế Long đã chết, do vậy không xác định được những chiếc xe mô tô này hiện tại ở đâu nên không thu giữ được.

Đối với chiếc vạm bằng kim loại dùng để phá khóa các xe mô Cơ quan điều tra đã truy tìm chiếc vạm trên nhưng không thu giữ được.

Đối với 01 áo khoác, loại áo nam, màu nâu đen, phía trong bên dưới cổ áo có gắn nhãn FIRETRAP/BLACK SEAL-XXXL, áo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc tua vít bằng kim loại, có 2 đầu (2 cạnh và 4 cạnh), tay nắm bằng nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc kìm bằng kim loại phần tay nắm được bọc nhựa màu đỏ, trên tay nắm có dòng chữ MEINFA, đã qua sử dụng. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo D, bị cáo không đề nghị trả lại, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn Trắng, biển số 20M3-7947 của bị cáo D, đây là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội (dùng để thực hiện 03 lần trộm cắp xe mô tô). Xét thấy đây là vật chứng của vụ án cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Ngọc Đức D, Bàn Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo D phải nộp 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Yên Sơn; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

Đối với Chu Thế Long là người mua 04 chiếc xe mô tô của Ngọc Đức D và Bàn Thị L trộm cắp. Hành vi trên của Long có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên ngày 29/12/2020, Chu Thế Long đã chết do vậy không đề cập xử lý đối với Chu Thế Long.

Đối với Đào Thị Khanh và Chu Thế Thủy (là vợ và con trai của Chu Thế Long), quá trình điều tra xác định Khanh và Thủy không tham gia giao dịch mua bán xe cùng Long, không biết các tài sản do phạm tội mà có vì vậy không đề cập xử lý đối với Đào Thị Khanh và Chu Thế Thủy.

Đối với người đàn ông tên Tuấn, nhà ở thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh TN đã cho Ngọc Đức D mượn xe mô tô sau đó D đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản vào ngày 23/12/2020. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, tuy nhiên đến nay không xác định được có người tên Tuấn có đặc điểm như D mô tả. Do vậy không có căn cứ để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các vấn đề trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Điểm c, điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngọc Đức D.

- Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bàn Thị L.

- Tuyên bố: Các bị cáo Ngọc Đức D, Bàn Thị L phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo **Ngọc Đức D 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/01/2021.

Xử phạt bị cáo **Bàn Thị L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/01/2021.

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589, 468 của Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận về nghĩa vụ dân sự của bị cáo Ngọc Đức D, Bàn Thị L, bị hại Lê Thị T, Hoàng Thị H, Ma Quang T4: Bị cáo Ngọc Đức D có nghĩa vụ bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*); bồi thường cho chị Hoàng Thị H số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*); bồi thường cho anh Ma Quang T4 số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

Tổng cộng bị cáo Ngọc Đức D có nghĩa vụ bồi thường số tiền 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Khoản tiền phải trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn Trắng, biển số 20M3-7947.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác, loại áo nam, màu nâu đen, phía trong bên dưới cổ áo có gắn nhãn FIRETRAP/BLACK SEAL-XXXL, áo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc tua vít bằng kim loại, có 2 đầu (*2 cạnh và 4 cạnh*), tay nắm bằng nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc kim bằng kim loại phần tay nắm được bọc nhựa màu đỏ, trên tay nắm có dòng chữ MEINFA, đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Yên Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn ngày 29/4/2021.

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Ngọc Đức D, Bàn Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Ngọc Đức D phải nộp 2.250.000 (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

T4 H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- CQCSĐT Công an huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh Nguyễn Thu Hà

Phạm Thị Quỳnh

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thắng – Hà Thị Vinh

Nguyễn Xuân Thuỷ

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thủy

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thắng – Hà Thị Vinh

Nguyễn Xuân Thuỷ

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;

- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND h. Yên Sơn (2 bản);
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Xuân Thủy

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Việt – Đặng Thị Huệ

Nguyễn Xuân Thuỷ

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND h. Yên Sơn (2 bản);
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Xuân Thuỷ

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Vinh – Lê Thị Hoa

Nguyễn Xuân Thuỷ